

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1								
1	1913111545	Nguyễn Đắc Quốc An	N19TPM2	1	7				7.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
2	1913111549	Lưu Thanh Bình	N19TPM1	7	5				5.0	8.0	7.0	Bảy	
3	1913111552	Dũ Văn Dũng	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
4	1913111554	Lê Nguyễn Cao Duy	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
5	1913111555	Phạm Sỹ Hải	N19TPM2	1	7				7.0	10.0	8.2	Tám phẩy Hai	
6	1913111556	Ngô Khôn Hiếu	N19TPM1	1	7				7.0	HP	0.0	Không	HP
7	1913111557	Nguyễn Văn Hòa	N19TPM2	4	5				5.0	8.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
8	1913111558	Nguyễn Minh Hoàng	N19TPM2	7	7				7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
9	1913111561	Trương Văn Huy	N19TPM1	4	7				7.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
10	1913111563	Nguyễn Văn Huy	N19TPM2	1	5				5.0	6.0	5.2	Năm phẩy Hai	
11	1913111564	Lê Quang Khánh	N19TPM1	4	5				5.0	6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
12	1913111565	Trương Tùng Linh	N19TPM1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
13	1913111566	Nguyễn Viết Hồng Linh	N19TPM1	1	5				5.0	8.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
14	1913111567	Ngô Quý Lộc	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
15	1913111568	Huỳnh Công Long	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
16	1913111570	Trần Hoài Nam	N19TPM2	4	5				5.0	6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
17	1913111571	Trần Văn Nghiêm	N19TPM1	7	5				5.0	10.0	8.2	Tám phẩy Hai	
18	1813119409	Trần Văn Nhớ	N19TPM2	7	7				7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
19	1913111575	Dương Anh Phi	N19TPM2	4	5				5.0	6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
20	1913111577	Lê Văn Phú	N19TPM1	10	5				5.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
21	1913111578	Lê Đoàn Minh Phúc	N19TPM2	1	7				7.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
22	1913111580	Phạm Văn Phước	N19TPM1	4	5				5.0	6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
23	1913111583	Võ Thành Quyền	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
24	1813119433	Ngô Thành Sang	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
25	1913111585	Trương Xuân Sơn	N19TPM2	7	5				5.0	8.0	7.0	Bảy	
26	1913111586	Trần Hưng Nhật Sơn	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
27	1913111587	Trương Hoài Tâm	N19TPM2	4	5				5.0	6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
28	1913111588	Võ Minh Thoại	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
29	1913111590	Nguyễn Mạnh Tiến	N19TPM1	4	7				7.0	8.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
30	1913111591	Đỗ Nguyễn Tiến	N19TPM1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
31	1913111593	Nguyễn Đăng Toàn	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
32	1912111594	Nguyễn Thị Xuân Trang	N19TPM1	10	5				5.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
33	1913111595	Huỳnh Kim Trọng	N19TPM1	4	7				7.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
34	1913111597	Nguyễn Thái Trường	N19TPM2	1	5				5.0	8.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
35	1913111599	Huỳnh Văn Thanh Tuấn	N19TPM1	4	7				7.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
36	1913111600	Lê Trung Tuyển	N19TPM1	4	10				10.0	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
37	1913111601	Đỗ Lê Viên	N19TPM2	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
38	1913111602	Nguyễn Thành Vinh	N19TPM2	1	7				7.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
39	1913111606	Huỳnh Ngọc Vỹ	N19TPM2	4	5				5.0	6.0	5.5	Năm phẩy Năm	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	1813119403	Hà Anh Nghĩa	N19TPM1	0	0				0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
1	1813119477	Bùi Quốc Việt	N18TPM2	7	7				7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	54007

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	27	66%	
2	Số sinh viên nợ	14	34%	
TỔNG CỘNG :		41	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân